

VÀI NÉT VỀ VIỆC BIÊN SOẠN, PHIÊN DỊCH, NGHIÊN CỨU ĐỊA CHỈ Ở VIỆT NAM - TRỌNG TÂM LÀ SÁCH *ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ*

NGUYỄN THỊ OANH*

Tóm tắt: Ở một số trung tâm lưu trữ ở Hà Nội như Viện Nghiên cứu Hán Nôm; Thư viện Thông tin Khoa học xã hội, Thư viện Quốc gia Việt Nam.... hiện đang lưu trữ một số lượng lớn các sách địa chí được biên soạn bằng chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Việt từ đầu thế kỷ XX cho đến nay. Từ việc điểm qua tình hình dịch thuật, biên soạn và nghiên cứu sách địa chí - trọng tâm là sách *Đại Nam nhất thống chí*, bài viết đã làm sáng tỏ tình hình dịch thuật và nghiên cứu sách địa phương chí từ nguồn lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, đồng thời qua việc đi sâu nghiên cứu giám định văn bản sách *Đại Nam nhất thống chí* bài viết đã cho thấy việc nghiên cứu văn bản học thực sự quan trọng trước khi dịch thuật và công bố sách vở và tư liệu Hán Nôm.

Từ khóa: Địa chí, Địa phương chí, *Đại Nam nhất thống chí*, Dịch thuật, Văn bản học

Abstract: Currently, several libraries in Hanoi, such as the Institute of Han-Nom Studies, the Social Sciences Library (formerly the French École française d'Extrême-Orient library), the National Library, etc., are preserving a large collection of geographic books compiled in Chinese and Nôm script. Additionally, there are over 100 titles written in Vietnamese from the early 20th century to the present. By reviewing the state of translation, compilation, and research on local geographic books, with a focus on *Đại Nam nhất thống chí*, this article clarifies the situation regarding the translation and study of these geographic works from the archives at the Institute of Han-Nom Studies. Moreover, through in-depth textual verification research of *Đại Nam nhất thống chí*, the article highlights the critical importance of manuscript studies before translating and publishing Han-Nom documents and books.

Keywords: Geography, Local Geographic Books, *Đại Nam nhất thống chí*, Translation, Manuscript Studies

Dẫn luận

Địa chí hay địa phương chí là thể loại sách ghi chép, biên soạn, giới thiệu về địa lý, lịch sử, phong tục, nhân vật, sản vật, kinh tế, văn hoá... của một địa phương (làng, xã, huyện, tỉnh, thành phố...)¹. Trịnh Khắc Mạnh cho biết, ở nước ta trước đây,

địa chí còn gọi là "Dư địa chí". Dư địa chí là "trình bày các vấn đề ranh giới, diện tích, thành trì, trường học, hộ khẩu, núi sông, khe đầm, cổ tích, đền chùa, lễ hội, chợ, nhân vật..."². Căn cứ vào nội dung tài liệu Hán Nôm địa chí Trịnh Khắc

* PGS. TS., Viện TICES - Đại học Thăng Long

Mạnh đã chia làm 2 loại lớn: Một là "quốc chí" (tổng chí), ghi chép địa chí của cả nước. Hai là "địa phương chí" (phương chí), trong địa phương chí lại chia ra mấy loại nhỏ, như: Khu vực (vùng miền) chí, ghi chép lịch sử, địa lí của vùng nào đó, hoặc miền nào đó. Tỉnh chí, ghi chép lịch sử, địa lí của tỉnh. Huyện chí (hoặc phủ chí), ghi chép lịch sử, địa lí của huyện hoặc phủ. Xã chí, ghi chép lịch sử, địa lí của xã. Thôn chí, ghi chép lịch sử, địa lí của thôn. Vấn đề địa phương chí Hán Nôm do địa phương biên soạn có những điểm tương đồng và khác biệt thế nào đối với địa phương chí vùng miền, tỉnh huyện nằm trong các sách quốc chí Hán Nôm và cách lựa chọn tư liệu để biên soạn sách địa phương chí...

Tuy nhiên, kho sách Hán Nôm rất phức tạp về mặt văn bản. Một số bài viết và công trình nghiên cứu địa chí và địa phương chí trước đây chưa quan tâm nhiều đến vấn đề văn bản học nên chưa thể giám định niên đại và xác định dòng truyền bản của sách địa phương chí, khiến việc nghiên cứu địa lý, lịch sử, phong tục, tín ngưỡng... và diện cách các vùng miền trong lịch còn có những hạn chế. Ngoài việc điểm lại vài nét về tình hình dịch thuật, nghiên cứu sách quốc chí và địa phương chí, bài viết sẽ làm sáng tỏ sự khác nhau giữa bản chép tay và bản in sách *Đại Nam nhất thống chí* (ĐNNTC) và ảnh hưởng của nó đến dịch thuật và nghiên cứu ĐNNTC nói riêng và nghiên cứu địa phương chí qua tư liệu Hán Nôm nói chung.

1. Vài nét về tình hình dịch thuật, nghiên cứu sách quốc chí và địa phương chí

1.1. Xuất bản sách

1.1.1. Tác giả và nhóm tác giả trước thời hiện đại

Theo thống kê của bộ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* (Thư mục đề yếu) hiện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) có khoảng 300 đầu sách địa chí (bao gồm cả quốc chí và địa phương chí). Trong số 300 tác phẩm địa chí có khoảng 66 tác phẩm quốc chí; 92 tác phẩm địa phương chí, được phân thành 5 loại: loại khu vực chí có 22 tác phẩm; loại tỉnh chí có 46 tác phẩm; loại huyện chí có 19 tác phẩm; loại xã chí có 4 tác phẩm; thôn chí: 1 tác phẩm³. Từ trước tới nay đã có một số công trình tập trung giới thiệu, dịch thuật xuất bản sách địa phương chí theo tiêu chí của từng tác giả và nhóm tác giả, đặc biệt là các sách Hán Nôm có niên đại biên soạn từ rất sớm đã được dịch chú ra tiếng Việt, cụ thể như sau:

1) *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn. Nội dung ghi chép về "Địa lí các tỉnh, thành phố toàn Việt Nam. Mỗi tỉnh có các phần: Ranh giới, Diện cách, Hình thế, Khí hậu, Phong tục, Thành trì, Trường học, Hộ khẩu, Núi sông, Khe đầm, Cổ tích, Đền chùa, Đê điều, Chợ búa, Nhân vật... Hiện có hai bản dịch, bản dịch của Viện Sử học⁴ học do Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính từ bản HV.140 của Viện Sử học và A.69 của Thư viện Khoa học, nay là VNCHN. Bản của Hoàng Văn Lâu⁵. Dịch từ bản A.69 và bản in năm Duy Tân (1910).

2) *Dư địa chí* 輿地志 của Nguyễn Trãi (1435)⁶ do Phúc Khê ấn hành năm 1868, Bản dịch của Phạm Huy Tiếp, NXB. Sử học ấn hành năm 1960. Cuốn sách viết bằng chữ Hán, ghi chép sơ lược về địa lý hành chính và tự nhiên của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. *Dư địa chí* xác định bờ cõi lãnh thổ của Việt Nam từ thời dựng nước.

3) *Ô châu cận lục* 烏州近錄 do Dương Văn An 楊文安 soạn năm 1553. Có lẽ đây là cuốn sách đầu tiên ghi chép về địa lý như núi sông, sản vật, phong tục, thành quách, danh lam, phú thuế, quan chức, nhân vật của dải đất miền Trung từ Quảng Bình đến Quảng Nam. Sách do Bùi Lương⁷ phiên dịch xuất bản năm 1961. Đến năm 1997, sách lại được Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên⁸ phiên dịch, xuất bản.

4) *Phủ biên tạp lục* 撫邊雜錄⁹ Lê Quý Đôn 黎貴惇 soạn năm 1776, Trần Đại Vinh phiên dịch. Dịch giả đã dựa vào hai bản VHv.118 và A.1175 của VNCHN (cũng là bản Micro film tại Pháp), kết hợp với bản dịch của Viện Sử học để dịch lại và bổ chính 170 mục từ có sai lạc về địa danh. Đây là sách địa chí ghi chép về sự tích mở mang và khôi phục hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam; tên số lượng các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, trang, trại; hình thế núi sông, thành lũy, đường sá, nhà trạm; thuế má, quan chức và thi cử, số ngạch nhân đinh, cách tuyển chọn lính, nhân tài, thơ văn, sản vật và phong tục của hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam.

5) *Gia Định thành thông chí* 嘉定城通志¹⁰ do Trịnh Hoài Đức biên soạn, dâng lên vua Minh Mệnh vào năm 1820. Phạm

Hoàng Quân dịch chú, xuất bản năm 2019. Nội dung ghi chép về địa lý, lịch sử vùng Gia Định thời Nguyễn gồm 5 trấn, Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên, bao gồm các mục: *Tinh dã chí* 星野志, *Sơn xuyên chí* 山川志, *Cương vực chí* 疆域志, *Phong tục chí* 風俗志, *Vật sản chí* 物產志 và *Thành trì chí* 城池志.

6) *Bắc Ninh tỉnh chí* 北寧省誌¹¹ biên soạn năm Tự Đức thứ 29 (1877). Nội dung ghi về địa lý, phong tục, sản vật, khí hậu, núi sông, danh thắng, đường sá của 4 phủ chính: Từ Sơn, Thuận Thành, Đa Phúc, Lạng Giang, 2 phân phủ (Thuận Thành, Lạng Giang), với 20 huyện (Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Quế Dương, Võ Giàng, Đa Phúc, Hiệp Hòa, Kim Anh, Siêu Loại, Gia Bình, Lang Tài, Gia Lâm, Văn Giang, Phượng Nhãn, Bảo Lộc, Yên Dũng, Việt Yên, Lục Ngạn, Yên Thế, Hữu Lũng). Sách do Nguyễn Phạm Bằng, Dương Văn Hoàn, Nguyễn Thanh Diên dịch từ bản A.569 (VNCHN), xuất bản năm 2022.

1.1.2. Tác giả và nhóm tác giả thời hiện đại biên soạn sách địa phương chí tổng hợp từ nhiều văn bản Hán Nôm

1) *Địa lý hành chính Kinh Bắc*¹² do Nguyễn Văn Huyền biên soạn vào năm 1997 từ 4 tài liệu: *Dư địa chí* 輿地志 của Nguyễn Trãi (A.139); *Hồng Đức bản đồ* 洪德版圖 (A.2499); *Các trấn tổng xã danh bị lãm* 各鎮總社名備覽 (A.370); *Đồng Khánh địa dư chí* 同慶地輿志 (A.537/1) và hai bản *Bắc Ninh tỉnh chí* 北寧省誌 (A.559) và *Bắc Ninh tỉnh địa dư* 北寧省地輿 (A.425) để nghiên cứu và

biên soạn địa lý hành chính (bao gồm tên và số lượng các phủ huyện) của Kinh Bắc

2) *Tài liệu địa chí Thái Bình*¹³. Nhóm tác giả đã thu thập nhiều tư liệu bao gồm cả văn bia, thần sắc, tục lệ, sự tích để nghiên cứu và dịch thuật địa chí Thái Bình, trong số tư liệu trên, chỉ duy nhất có bản *Tiên Hưng phủ chí* 先興府志(A.3167) là phù hợp với thể loại địa phương chí (phủ chí). Sách này ghi chép về địa dư; phàm là phương vực, sơn xuyên, phong tục, sản vật... của phủ Tiên Hưng (nay là huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình).

3) *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*¹⁴. Nhóm tác giả đã dịch và giới thiệu 4 bản: *Bắc Ninh phong thổ tạp ký* 北寧風土雜記 (A.425); *Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí* 北寧全省地輿誌 (A.2889); *Bắc Ninh tỉnh địa dư* 北寧省地輿誌 (A.590); *Bắc Ninh tỉnh khảo dị* 北寧省考異 (HM.2167). Nội dung đề cập đến địa dư (diên cách, đơn vị hành chính, địa danh), di tích, danh thắng, nhân vật, tập tục, tín ngưỡng. Nhóm tác giả chỉ có 6 trang giới thiệu tư liệu, chưa đi sâu nghiên cứu văn bản nên chưa thể xác định niên biên soạn và niên đại sao chép. Đồng thời do mục đích của nhóm tác giả chủ yếu đi vào dịch chú, giới thiệu văn bản nên chưa đi sâu nghiên cứu giá trị nội dung của các sách địa phương chí nói trên.

4) *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*¹⁵. Nhóm tác giả Nguyễn Thúy Nga - Nguyễn Văn Nguyên đã sắp xếp, giới thiệu công bố 44 tài liệu địa chí viết về Hà Nội, theo thứ tự niên đại biên soạn. Trước mỗi bản dịch để có phần giới thiệu văn bản. Nhóm công trình

đã sử dụng tài liệu chính là *Hà Nội địa dư* 河內地輿, *Hà Nội địa bạ* 河內地簿 và bộ phận Tỉnh Hà Nội trong sách *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志.

5) *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Tuyền tập địa chí*¹⁶. Nhóm tác giả Nguyễn Thúy Nga - Nguyễn Kim Sơn đã tuyển chọn 30 văn bản từ 60 tư liệu địa chí của Hà Nội (với phạm vi địa lý tính đến thời điểm 2008), ngoài ra nhóm công trình còn lựa chọn từ một số khu vực mở rộng sau 2008 như Hà Đông, Sơn Tây. Đây là một trong công trình nghiên cứu, dịch thuật xuất bản đồ sộ nhất với khoảng trên 3.500 trang (bao gồm cả dịch thuật và bản gốc in kèm theo) về địa chí của riêng tỉnh Hà Nội. Công trình này được kế thừa từ đề tài Địa chí Thăng Long Hà Nội đã tuyển dịch 30 tác phẩm bao gồm 12 tác phẩm phương chí viết riêng về Hà Nội, 3 quyển viết riêng về Sơn Tây, 2 quyển viết về Hà Đông, 4 phương chí khu vực Bắc Kỳ và 9 quyển quốc chí trong đó có ghi chép về các phủ huyện thuộc Hà Nội ngày nay. Ở phần đầu Tài liệu địa chí cổ với việc nghiên cứu Thăng Long - Hà Nội, nhóm tác giả cũng dành 90 trang để trình bày về tư liệu địa chí cổ với việc nghiên cứu Thăng Long - Hà Nội về các mặt như lịch sử địa lý Hà Nội; Tài liệu địa chí với việc nghiên cứu di tích lịch sử; Địa chí cổ với việc nghiên cứu văn hóa xã hội của người Hà nội xưa.

1.2. Các bài nghiên cứu

1.2.1. Các bài liên quan đến văn bản học

Trong số bài nghiên cứu của các học giả đi trước, đáng chú ý có bài “*Dư địa chí*, truyền bản và thể loại”¹⁷ của Trần

Nghĩa. Trong bài này ông đã cho biết: *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi hiện còn 1 bản in do Nguyễn Bá Cung biên soạn lại, Phúc Khê in năm Tự Đức thứ 21 (1868), từ bản ký hiệu VHv.1772/3 và 4 bản chép tay. Tuy nhiên, theo Trần Nghĩa, đây là bản in có nhiều vấn đề, như “những địa danh như Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc... là những đơn vị hành chính cấp tỉnh, mãi đến thời Lê Thánh Tông, tức sau khi Nguyễn Trãi mất ngót 30 năm mới xuất hiện; Hoặc những tên đất như Ninh Sơn, Tân Phúc, Thao Giang... lại vì kiêng húy Lê Trang Tông, Lê Kính Tông, Trịnh Giang... mà đổi thành Yên Sơn, Tiên Phúc, Lâm Thao... Ngoài địa danh chỉ xuất hiện sau thời Nguyễn Trãi, sách còn có sự gia công, thêm thắt của các thế hệ sau. Vì thế bản in Phúc Khê năm 1868 được cho là biên soạn vào thời Lê Thánh Tông (1435) “rất cục chỉ có thể xem như một truyền bản gần đúng về *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi”.

2.1.2. Các bài giới thiệu sách địa phương chí

Trong kho sách của VNCHN có kho cổ chỉ, ký hiệu AH, tuy không mang tên gọi "chỉ" như các tác phẩm địa phương chí khác nhưng nội dung vẫn là các tư liệu ghi chép liên quan đến phong tục tập quán, sinh hoạt làng xã của Việt Nam trong quá khứ. Năm 1998, Nguyễn Thị Phụng trong bài “Giới thiệu kho sách cổ chỉ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm”¹⁸ đã cho biết: “Cổ chỉ” tất cả chỉ có 21 sách, là các "sưu tập các giấy tờ cổ thuộc địa bàn 5 tỉnh: Hưng Yên, Ninh Bình, Sơn Tây, Lạng Sơn, Phúc Yên; cùng mang ký hiệu xếp giá chung là AH; với các chữ cái

a,b kèm theo các chữ số để biểu thị các tỉnh, như a3 (tỉnh Sơn Tây), a4 (tỉnh Lạng Sơn), v.v...” bao gồm những công văn giấy tờ thuộc nhiều loại hình tư liệu khác nhau như: công văn giấy tờ; các văn bản hành chính kê khai ruộng đất, thuế khóa, đinh bạ; các bản lệnh chỉ, thượng dụ, khải, tấu, sắc chỉ...; các khoa cúng tế, tụng niệm; các bí quyết tu luyện của nhà Phật; các sách mo; các câu thần chú, các phép thuật, thể lệ; các phong tục của dân tộc ít người...; gia phả các dòng họ; thần tích, ngọc phả, v.v...

Năm 2009, tác giả Trịnh Khắc Mạnh trong bài “Khảo sát tài liệu Hán Nôm về dư địa chí hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”¹⁹ cũng đã thống kê và phân loại 300 sách địa chí hiện lưu trữ tại VNCHN như chúng tôi nêu trên. Ngoài ra, tác giả cũng đi sâu giới thiệu nội dung một số tác phẩm địa phương chí liên quan đến biển đảo Việt Nam như: *Phủ biên tạp lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Địa dư lược chí*, nhưng không ghi số ký hiệu thư viện.

Năm 2012, tác giả Phạm Đình Toàn (2012), “Biên soạn sách địa chí và xây dựng tài liệu địa chí ở Việt Nam”²⁰ đã cho biết rất nhiều thông tin, trong đó đề cập đến địa chí toàn quốc; địa chí vùng miền; các sách về huyện chí và xã chí viết bằng chữ Hán chữ Nôm. Về tình hình xuất bản sách địa chí, tác giả cũng cho biết từ năm 1954 đến nay sách địa chí vẫn phát triển ở cả hai miền Nam Bắc. Ở miền Nam có 28 tác phẩm do nhóm các tòa hành chính, tòa thị chính của các địa phương biên soạn, xuất bản; có 36 tác phẩm do nhóm do các

cá nhân biên soạn và xuất bản. Ví dụ sách địa phương chí các tỉnh Hà Tiên, Kiên Giang, Phước Long, Côn Sơn, An Giang, Phước Tuy, biên Hòa, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Đà Nẵng, Châu Đốc, Ba Xuyên, Biên Hòa, Rạch Giá, Gia Định, Kom Tum... Ở miền Bắc theo Nguyễn Quang Ân (Trung tâm Unesco, Thông tin tư liệu Lịch sử và Văn hóa Việt Nam) từ sau năm 1975 cho đến nay đã có rất nhiều tác phẩm biên soạn địa phương chí ra đời như Hà Bắc, Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Nam Định, Hòa Bình, Thái Nguyên, Ninh Bình, Thái Bình... một số tỉnh như Bắc Kạn, Hưng Yên, Sơn La... cũng đang tiến hành biên soạn địa chí cấp tỉnh. Việc biên soạn địa chí huyện cũng được các địa phương tiến hành như địa chí huyện Đại Lộc; Diên Châu, Tương Dương, Quỳnh Lưu (Nghệ An); Can Lộc (Hà Tĩnh); Nông Cống, Hoàng Hóa, Triệu Sơn (Thanh Hóa).... Theo tác giả, sách địa chí các tỉnh xuất bản gần đây đều bắt nguồn từ đề tài nghiên cứu khoa học do các chính quyền địa phương quản lý triển khai. Việc viết sách về địa phương chí ngoài giá trị giáo dục truyền thống quê hương còn có giá trị trong việc quảng bá hình ảnh địa phương. Tuy nhiên cho đến nay, chúng tôi chưa có điều kiện tiếp cận toàn bộ sách địa chí đã xuất bản nên chưa biết cụ thể các địa phương có sử dụng nguồn tư liệu bằng chữ Hán, chữ Nôm hay có kết hợp với các nhà nghiên cứu trung ương trong việc biên soạn địa phương chí hay không.

1.3. Các bài nghiên cứu giới thiệu một văn bản địa phương chí cụ thể

Đi sâu nghiên cứu sách địa phương chí có 3 bài của tác giả Ngô Thị Thanh Tâm, như bài “Giới thiệu văn bản *Ban thành đại đáp*”²¹, một tác phẩm địa chí về vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên). Trong bài này tác giả đã trình bày cụ thể về tác giả, niên đại, nội dung gồm các mục như: *Khí hậu, Sơn xuyên, Cương thành thổ sản, Sản vật, Nhân loại khảo chứng, Tính cách, Nhân vật, Tín ngưỡng, Phong tục* (nhà ở, trang phục, thờ Thần Nông cách luyện voi, lấy nước); *Kỹ nghệ, Tỉnh lệ; Đường sá, Đồn điền*... qua đó làm nổi bật những giá trị của tác phẩm trong việc nghiên cứu văn hóa, lịch sử, phong tục về con người và vùng đất Buôn Ma Thuột, đồng thời so sánh với tác phẩm chí cùng loại (ghi về vùng dân tộc thiểu số ở miền Trung Tây nguyên như *Phủ man tạp lục thư* 撫蠻雜錄書, in năm Thành Thái thứ 10 (1898) để cho thấy sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm đều ghi về vùng dân tộc thiểu số giữa Buôn Ma Thuột và các tỉnh miền Trung Tây Nguyên như Đắc Lắc.

Trong bài “Bước đầu khảo cứu tư liệu địa phương chí ghi chép về phong tục ở một số tỉnh miền núi phía Bắc”²², tác giả Ngô Thị Thanh Tâm đã dựa vào 9 cuốn địa phương chí như *Cao Bằng ký lược* 高平記略; *Cao Bằng sự tích* 高平事跡; *Cao Bằng thực lục* 高平實錄, *Liệt tỉnh phong vật phú* 列省風物賦, *Bắc Kỳ địa chí* 北圻地誌; *Bắc kỳ địa dư lược sao* 北圻地輿略抄 *Lạng Sơn Đoàn thành đồ* 諒山團城圖, *Tuyên hành ký trình* 宣行記程, *Tuyên Quang tỉnh phú* 宣光省賦 hiện lưu trữ tại VNCHN để tìm hiểu về tác giả, và

nội dung tác phẩm. Từ nội dung văn bản, tác giả đã đi vào khảo cứu một số đặc trưng về phong tục của đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc như đặc tính con người, nhà ở, y phục, tín ngưỡng, hôn nhân, tang ma, ẩm thực, văn hóa, kỹ nghệ... Theo tác giả trong 9 cuốn địa chí nêu trên, hai mục địa lý và lịch sử có mặt trong tất cả 9 văn bản (9/9), nhưng có văn bản chỉ ghi phong tục, cổ tích (6/9), có bản chỉ ghi thổ sản, nhân vật lịch sử (5/9), có bản chỉ ghi chép về khí hậu (2/9). Tuy nhiên, tác giả chưa thể giải thích vì sao lại có hiện tượng khuyết thiếu như trên.

Bài “Diện mạo của tỉnh Ma Thuật qua tác phẩm *Ban thành đại đáp*”²³, tác giả Ngô Thị Thanh Tâm đã đi sâu mô tả địa bàn và đời sống, ngôn ngữ của nhiều dân tộc thiểu số sống trên Tây Nguyên. Bài viết gần như trình bày lại nội dung bài đã đăng trên *Tạp chí Hán Nôm* năm 2021, song có bổ sung thêm mục khảo cứu về tiếng địa phương được ghi bằng chữ Hán và chữ Nôm, ngoài ra còn ghi thêm chữ Quốc ngữ để giúp độc giả đọc chính xác các từ địa phương dân tộc thiểu số. Rất tiếc tác giả chưa cho biết vì sao ở đầu thế kỷ XX, lại có phong trào biên soạn và sao chép các tác phẩm địa phương chí và vai trò của Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp trong việc này như thế nào.

Ngoài ra còn có một số bài giới thiệu sách địa chí cổ mới tìm thấy ở địa phương như bài “Tìm thấy một cuốn sách địa chí cổ có giá trị ở huyện Định Hóa (Thái Nguyên)”²⁴ của Nguyễn Đình Hưng; hay bài “Một số đặc trưng của loại sách địa chí”²⁵ của Nguyễn Văn Cẩn đi sâu tìm hiểu

một số đặc trưng của loại sách địa chí, như tính tổng hợp, tính đa diện và toàn diện; tính cô đọng, cơ bản; tính kế thừa là đặc trưng cơ bản của sách địa chí. Tác giả chỉ đưa ra các tiêu chí nói trên dựa trên các sách địa chí biên soạn lại ngày nay mà chưa đề cập đến đặc trưng của sách địa chí viết bằng chữ Hán, chữ Nôm.

Mảng sách địa chí Hán Nôm được xuất bản hiện còn rất hạn chế do không phải nhà nghiên cứu nào cũng có thể nghiên cứu trực tiếp được tư liệu Hán Nôm. Hiện có một số công trình biên soạn sách địa phương chí ngoài việc sử dụng tư liệu Hán Nôm địa phương chí của địa phương còn lấy các mục địa phương chí ghi trong sách quốc chí như *Đại Nam nhất thống chí*. Tư liệu địa phương chí hiện lưu giữ ở VNCHN rất phức tạp về mặt văn bản nhưng hầu như chỉ có một bài của Trần Nghĩa đề cập đến vấn đề này. Gần đây chúng tôi được tiếp xúc với tư liệu quốc chí và địa phương chí nên đã có điều kiện tìm hiểu thêm về vấn đề này.

2. *Đại Nam nhất thống chí* - sự khác biệt giữa bản chép tay A.69/1-12 và bản in Duy Tân

2.1. *Vài nét về sách ĐNNTC*

Theo *Thư mục đề yếu*, sách *Đại Nam nhất thống chí*²⁶ hiện VNCHN lưu trữ 10 bản chép tay, gồm các ký hiệu: A. 69/1-12; VHv. 129/1-8; VHv. 1448/1-4; VHv. 985/1-9; VHv. 1707/1-9; VHv. 1359; A.2806; VHv. 624; A. 2033; VHv. 2684.

Ngoài VNCHN, Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng lưu trữ 01 bản ký hiệu: R.785;

Sách *ĐNNTC* lưu trữ ở nước ngoài như: Cộng hòa Pháp có 04 bản: ký hiệu

Paris. SA. Ms. b. 18; Paris. BN. A. 65. vietnamien; Paris. BN. A. 73. vietnamien; Paris. SA. HM. 2128; - Paris. SA. PD. 2363; Ở Nhật Bản, kho Tư đạo văn khố (Đại học Keio) lưu trữ 01 bản, ký hiệu 057; Đông Dương văn khố, Toko, lưu trữ 03 bản ký hiệu X-2-29, ; X-30; X-2.-1001.

ĐNNTC thuộc loại hình văn bản nhà nước tổ chức biên soạn. Tác giả biên soạn gồm: Tổng tài (Tổng chủ biên), Lưu Đức Xứng, Trần Xán, Cao Xuân Dục; Biên tu (Biên soạn): Hoàng Hữu Xứng, Nguyễn Hữu Độ, Phạm Đình Bình, Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường. *ĐNNTC* được biên soạn khoảng những năm 1865-1905. Có hai loại: sách chép tay và sách in. Sách in được khắc năm 1910 và Nhật in lại vào năm 1941.

10 bản chép tay sách *ĐNNTC* ở VNCHN có hình thức như sau:

A. 69/1-12: 2818 tr., 30x16 cm; VHv.129/1-8: 1006 tr., 29x16 cm (thiếu); VHv.1448/1-4: 1452 tr., 29x20 cm (thiếu các tỉnh thuộc Bắc Kì cũ, trừ Hà Nội); VHv.985/1-9: 1356 tr., 28x16 cm (thiếu); VHv. 1707/1-9:1824 tr., 27x15cm (thiếu); VHv.1359:172 tr., 27x16 cm (chỉ có Hà Tĩnh, Nghệ An); A. 2806: 402 tr., 27x15 cm (thiếu); VHv. 624: 144 tr., 27x16 cm (chỉ có Định Tường, An Giang, Hà Tiên); A.2033: 234 tr., 27x15cm (chỉ có Khánh Hoà và các tỉnh thuộc Nam Bộ cũ); VHv.2684: 174 tr., 26x16cm (chỉ có tỉnh Hà Nội).

Nội dung bản *ĐNNTC* A.69/1-12 gồm 1.218 tr, gồm: Tập 1 (T1): Cao Bằng, Lạng Sơn, Hưng Hoá; T2: Hà Nội, Bắc Ninh; T3: Hưng Yên, Nam Định, Ninh

Bình; T4: Hải Dương, Quảng Yên; T5: Tuyên Quang, Thái Nguyên, Sơn Tây; T6: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh; T7: Quảng Bình, Quảng Trị; T8: Thừa Thiên; T9: Kinh sư (Huế), Quảng Nam, Quảng Ngãi; T10: Bình Định, Định Tường, Hà Tiên; T12: An Giang, Vĩnh Long, Biên Hoà. Trong đó bản chép tay A.69/1-12 là đầy đủ nhất. Ngoài ra còn có bản in còn được gọi là bản Duy Tân (1910), chỉ có 15 tỉnh thuộc Trung Kỳ. Nội dung chỉ chép về địa lí các tỉnh, thành phố toàn Việt Nam. Mỗi tỉnh có các phần: Ranh giới, Diên cách, Hình thế, khí hậu, Phong tục, Thành trì, Trường học, Hộ khẩu, Núi sông, Khe đầm, Cổ tích, Đền chùa, Đê điều, Chợ búa, Nhân vật...

Theo Trần Văn Giáp, vào năm Tự Đức thứ 2 (1849), Bùi Quỹ đã dâng tấu lên vua Tự Đức tâu xin hiệu chính lại bộ *Đại Việt sử ký* và *ĐNNTC* và các điều ông trình bày đã được đem thi hành. Năm 1861, các quan ở Sử quán đã thảo xong bộ sách *Đại Nam nhất thống dư đồ* 大南一統輿圖. Năm Tự Đức thứ 18 (1865), Sử quán lại biên soạn bộ *ĐNNTC*, hạn định thời gian đến hết năm ấy (tức năm 1865), nhưng mãi đến năm Tự Đức thứ 35 (1882), bộ *ĐNNTC* này mới làm xong. “Khi dâng bản thảo để vua coi và xin phép khắc in, vua Tự Đức bắt sửa kỹ lại và làm thêm tập Bỏ biên, chép mãi đến hết năm Tự Đức thứ 34 (1881). Nhưng bộ Bỏ biên này chưa kịp trình lên thì xảy ra việc lộn xộn năm Hàm Nghi thứ 1 (1885), bản thảo bị lạc mất. Cho nên bản *Đại Nam nhất thống chí* gọi là làm đời Tự Đức như đã được lược thuật trên đây, nội dung thật lộn xộn, không theo trình tự,

một hệ thống nào cả, mà tập Bồ biên thì mất hẳn”²⁷.

Bộ *ĐNNTC* này mãi đến năm Thành Thái thứ 1 (1889), Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục đã dựa vào bộ biên soạn lần thứ nhất năm 1865 (gọi là bộ Tự Đức) để biên soạn lại từ năm Thành Thái thứ nhất (1889) và hoàn thành vào năm Thành Thái thứ 17 (1905). Theo biểu của Cao Xuân Dục thì đến ngày mùng 8 tháng 12 năm Duy Tân thứ 3 (18/1/1910) mới được đem khắc in, nhưng bộ này chỉ hạn chế ở các tỉnh Trung Bộ (lúc đó gọi là Trung Kỳ)²⁸.

2.2. Về sách dịch *ĐNNTC*

Cho đến nay đã có 3 bản dịch sách *ĐNNTC*.

Một của Nha Văn hóa Sài Gòn, xuất bản từ 1959 đến 1970, không rõ dựa vào bản chữ Hán nào để dịch. Phần các tỉnh Trung Kỳ dựa vào bản *ĐNNTC* in năm Duy Tân (1910) (Hiện chúng tôi chưa sưu tầm được bản dịch này).

Hai là bản dịch *ĐNNTC* của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB. Khoa học xã hội ấn hành lần lượt từ năm 1969 đến năm 1971. Bản dịch dựa vào bản HV.140 của Viện Sử học và A.69 của Thư viện Khoa học, nay là VNCHN. Lời *Tựa* cho biết, “trong khi phiên dịch và hiệu đính, chúng tôi đã tước bỏ những đoạn trích dẫn các sách Trung Quốc mà chúng tôi cho là rườm rà và không chính xác”, một số thơ văn “không có nghĩa lý gì về mặt địa lý cũng sẽ bị tước bỏ”. Bản dịch của Phạm Trọng Điềm sau đó được Viện Sử học kết hợp với NXB. Thuận Hóa xuất bản lại vào năm 2006.

Ba là bản dịch của Hoàng Văn Lâu đã dựa vào bản khắc in năm 1910, ký hiệu A.853 và bản chép tay A.69 đều của VNCHN. Sở dĩ tác giả dịch lại là do muốn bổ khuyết những phần thiếu hụt của bản dịch Viện Sử học: “cái việc “tước bỏ bớt” nội dung của một tác phẩm phương chí giàu tư liệu lịch sử và có tầm cỡ như *Đại Nam nhất thống chí* là không thích hợp”. Dịch giả cho biết, các tỉnh Trung Kỳ thì dịch theo bản in, các tỉnh Bắc Kỳ và Nam Kỳ thì dịch theo bản A.69. Trong *Lời giới thiệu* cho lần xuất bản này, dịch giả cũng đã đề cập đến việc kế thừa các bản dịch trước đây và bản dịch thơ của các nhà thơ quá cố như Trúc Khê Ngô Văn Triện, Á Nam Trần Tuấn Khải, Ngô Linh Ngọc, Nguyễn Đình Diệm...²⁹

Tất cả các bản dịch nói trên đều không nghiên cứu văn bản trước khi dịch thuật và xuất bản.

2.3. Sự khác biệt giữa bản A.69/1-12 với bản in năm Duy Tân thứ 3 (1910)

Trong công trình nghiên cứu tư liệu địa chí biển đảo được thực hiện 3 năm gần đây³⁰, chúng tôi đã khảo sát khoảng 64 văn bản là sách địa chí, địa phương chí và bản đồ liên quan đến biển đảo ở các tỉnh duyên hải Việt Nam. Nhờ phương pháp tìm về các bản đầu tiên do Viện Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) sưu tầm³¹ nên đã có thể tìm ra văn bản quốc chí địa chí, địa phương chí đáng tin cậy để nghiên cứu. Đó là bản *ĐNNTC* 大南一統志, ký hiệu A.69/1-12. Qua so sánh đoạn ghi chép về Hoàng Sa (tỉnh Quảng Ngãi, Quyển 8) ở bản *ĐNNTC* A.69/1-12, còn gọi là bản Tự

Đức với bản in năm Duy Tân (1910), có thể thấy sự thay đổi các tình tiết và từ ngữ ở bản in Duy Tân đã có ảnh hưởng thế nào đến việc nghiên cứu về Hoàng Sa trong lịch sử.

Trong bản A.69/1-12 thỉnh thoảng xuất hiện các đoạn viết dài lên phần chính văn. Đây là ghi chú thêm của sử quan khi biên soạn sách, nhằm giải thích rõ hơn các điều ghi trong chính văn thường được tập hợp từ các bản ghi địa chí từ các địa phương gửi lên, nhưng đáng tiếc các bản sao chép và in ấn ĐNNTC (kể cả bản dịch) đời sau đều lược bỏ (Minh họa 1).

Bản chép tay A.69/8 (tỉnh Quảng Ngãi) phía trên chữ "Hình thế" ghi: "Huyện Mộ Đức. Xét, từ thời Lê sơ từ Hoành Sơn trở về phía đông lập một Nha môn, Hạ Hoành sơn trở về phía tây lập một Nha môn. Trị sở cũ nay tức là Bảo phé Bình An/ 慕德縣按黎初自橫山以東為衙門下橫山以西為衙門舊治所即平安廢堡". Có lẽ vì thế ở dòng chính văn người biên soạn ĐNNTC đã chú thêm tên gọi là "Hoành Sa đảo" là "Hoàng Sa đảo" (đảo Hoàng Sa).

Đây là thông tin rất quan trọng cho thấy từ thời Lê Sơ (1428-1527), "từ Hoành sơn trở về phía đông" đã cho lập Nha môn, "từ Hoành sơn trở về phía tây" cũng cho lập Nha môn. Trị sở cũ nay là "phé bảo Bình An". Như vậy việc quản lý một khu vực rộng lớn ra tới tận đảo Hoàng Sa đã có từ rất sớm. Bảo có nghĩa là đồn lũy chống giặc. Không chỉ trên đất liền, ĐNNTC cũng ghi ở giữa biển, trấn Lý Sơn cũng có đồn sở để phòng ngự giặc biển³². Như vậy việc chú thêm ở sách ĐNNTC A.69 /1-12

cho ta thêm nhiều thông tin do các quan ở Sử quán bổ sung khi biên soạn ĐNNTC mà các cơ sở địa phương gửi lên còn chưa đầy đủ (Minh họa 2).

Tiếp nữa (Minh họa 3), trong khi bản A.69/1-12 ghi: "Thời mới lập nước đặt đội Hoàng Sa, lấy 70 người của dân An Bảo sung vào / 國初置黃沙隊，七十人安民充之七十人安民充之" thì bản Duy Tân chép là An Vĩnh, nhưng An Bảo có phải chép sai? Theo chúng tôi "An Bảo/ 安保" là ngược của từ "Bảo an/ 保安". Vì ngoài từ "An Bảo" (tức bảo an) trong bản A.69/1-12 còn có từ "Nam Hải" 南海. A.69/1-12 chép: "Đảo chi đông cận Nam Hải Liêm châu phủ/ 島之東近南海廉州府. "Nam Hải" trong câu này nếu theo nghĩa Hán tức chỉ vùng biển phía nam Trung Quốc, nhưng đây là từ Hán đảo ngược, bản Duy Tân đã ghi đúng lại là Hải Nam 海南: 島之東，近清國海南瓊州府 (Đảo chi đông cận Thanh quốc Hải Nam Quỳnh Châu phủ). "Hải Nam" tức đảo Hải Nam của Trung Quốc hiện nay. Không chỉ bản chép tay xã An Vĩnh được bản Duy Tân chép thành "Vĩnh An xã/ 永安社". Không có xã Vĩnh An (nếu đọc theo trật tự thuận), nhưng nếu đọc từ trái sang sẽ đúng là xã An Vĩnh, một kiểu đảo trật tự khá thú vị của Hán văn Việt Nam không hiếm gặp trong các văn bản Hán Nôm. Xã An Vĩnh trước đây thuộc địa phận của làng An Vĩnh, ngoài Cù Lao Ré, nay là huyện đảo Lý Sơn. Vì thế chúng tôi cho rằng "An Bảo" là ngược của "Bảo An", "Bảo An dân" tức dân Bảo an, lực lượng ngư dân vừa là lính tham gia bảo vệ biên giới biển đảo, chống sự xâm nhập và phá

hoại của hải tặc trên biển, vừa là người lính có nhiệm vụ ra quần đảo Hoàng Sa đánh bắt hải sản và thu lượm hàng hóa các tàu bị đắm để lại. Hiện nay, vào ngày 15 tháng 3 (âm lịch) hằng năm, đảo Lý Sơn vẫn tổ chức lễ khao thẻ lính Hoàng Sa, một nghi lễ kéo dài suốt vài ba thế kỷ nay. Ký ức về chuyến đi dài ngày ra đảo Hoàng Sa vẫn còn lưu giữ mãi trong tâm khảm người dân, qua các câu ca dao các cụ vẫn lưu truyền: "Hoàng Sa trời nước mênh mông/ Người đi thì có mà không thấy về/ Hoàng Sa mây nước bốn bề/ Tháng ba khao lễ thẻ lính Hoàng Sa" (Minh họa 4).

Trường hợp "lược bỏ từ" hoặc "thay đổi từ" sẽ khiến nội dung câu văn thay đổi. Ví dụ trường hợp A69/1-12 ghi: "Nguyên Thanh thuyền chư hóa vật hồi tỵ ư thử/元清船貨物滙聚於此" (Tàu bè của nhà Nguyên, nhà Thanh thường đắm ở đó), nhưng bản Duy Tân chép là: "Chư phong nạn thuyền hóa hồi tỵ ư thử /諸風難船貨物滙聚於此" (Hàng hóa đồ vật của các thuyền bị bão gặp nạn cũng tụ về ở đó).

Việc thay đổi này có nghĩa thế nào. Bản A.69/1-2 cho thấy trong lịch sử các tàu buôn nhà Nguyên, nhà Thanh đi qua vùng này do không thông thạo luồng lạch nên dễ bị đắm. Đúng như sách ghi chép của Đỗ Bá trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* 天南四至略圖書³³: "Mỗi lần có gió tây nam thì thương thuyền các nước đi ở phía trong trôi giạt về đây; gió đông bắc thì thương thuyền chạy phía ngoài cũng trôi giạt về đó, tất cả đều bị chết đói cả. Hàng hóa vớt bỏ ở đó/每西南風, 則諸国

商舶內行漂跋在此; 東北風、外行亦漂跋在此, 並皆飢死。貨物各置其處". Nếu chỉ ghi chung chung như bản Duy Tân: "hàng hóa đồ vật của các thuyền bị gió bão gặp nạn cũng tụ về ở đó/諸風難船貨物滙聚於此" thì không cho thấy được lịch sử của các con tàu buôn bị đắm đã có từ xa xưa và cũng không cho thấy tai nạn tại Hoàng Sa không chỉ có gió bão. Đi qua Hoàng Sa, nếu không đi đúng luồng lạch sẽ bị đắm do va vào các rặng san hô hoặc bãi cát bồi, không thể ra được.

Lý Văn Phúc khi qua đây đã mô tả: "Thuyền bè qua lại nơi đây, mệnh mang không biết đâu là giới hạn, vì bãi cát ngầm dưới chân dải cát đó rất dài, một khi lỡ phạm phải thì không thể quay ra được/舟舶過, 往往以勿見為戒, 蓋其沙脚甚遠, 遇不可復故也"³⁴. Vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), nhóm thuyền buôn nước Pháp gặp nạn ở Hoàng Sa, được Nguyễn Văn Ngữ cử thuyền tìm kiếm và đưa các thuyền buôn này cùng tiền bạc và các đồ vật trở về an toàn. Nguyên văn bài tấu của Thủ ngự Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ tâu lên ngày 27 tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) như sau: Thần là Nguyễn Văn Ngữ chức Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng chấp tay dập đầu trăm lạy kính cẩn tâu việc: Giờ Dần ngày 20 tháng này, chủ thuyền buôn Phú Lãng Sa là Đô Ô Chi Ly cùng Tài phó Y Đóa Hoa và bọn phái viên Lê Quang Quỳnh đi thuyền qua Lữ Tống buôn bán, việc đã tâu báo. Giờ Dần ngày 27 chợt thấy Tài phó Y Đóa Hoa và 11 thủy thủ đi một chiếc thuyền Sam bản vào cửa tấn (cửa biển), nói canh hai ngày 21 tháng này, thuyền qua phía

tây Hoàng Sa bị mắc cạn, nước ngập vào thuyền hơn tám thước. Thương thuyền đã bàn bạc thu dọn tiền cùng các dụng cụ, lương thực, chia nhau lên hai chiếc thuyền Sam bản theo gió trở về bờ. Nhưng thuyền của Đô Ô Chi Ly cùng phái viên, tiền bạc đi sau chưa thấy về. Thần lập tức cho thuyền tuần tiểu ở tấn mang nước ngọt ra biển tìm kiếm. Nay xin tâu báo là đến giờ Ngọ thì gặp Đô Ô Chi Ly Đóa cùng phái viên, thủy thủ là 15 người, hiện đã đưa về cửa tấn, người và tiền bạc đều an toàn/沱囊海口守禦臣阮文語稽首頓首百拜謹奏為奏聞事。本年月貳拾日寅刻，富浪沙商船船主之嘯鳴岐離，財副【喉口朶華】，派員黎光瓊等駕海駛往呂宋商買，事經申報在案。貳拾柒日寅刻，忽見財副之喉【口朶華】，水手拾壹名，乘杉板壹艘入本汛，稱謂本月貳拾壹日夜貳鼓，船經黃沙西而面偶爾著淺，水入船心【深】捌尺。除商同撰取，官銀【廂取華】些少伙食分乘杉板貳艘，乘順濺回第。船主嘯鳴岐離【華】，官銀派員所乘之杉板壹艘後，行未至。臣即飭撥本汛巡船裝載清水，出洋尋覓。業已疏報，午刻遇著嘯鳴岐離【華】派員水手該拾五員，名現已護遁回汛，人銀均得全完³⁵。

Như vậy, không chỉ có gió bão các tàu thuyền khi đi qua Hoàng Sa mới gặp nạn, các rặng san hô và bãi cát ngầm là nguyên nhân gây tai nạn thuyền bè bị mắc cạn ở Hoàng Sa. Sau này Bộ Công đã báo lên vua Minh Mệnh. "Vua bảo Bộ Công rằng: một dải xứ Hoàng Sa thuộc hải phận Quảng Ngãi xa trông trời nước muôn màu, không nhận biết được sâu nông, gần đây thuyền buôn thường gặp nạn. Nay nên

chuẩn bị tàu thuyền đến năm sau ra xây miếu lập bia ở đó, lại cho trồng nhiều cây, sau này cây cối rậm rạp, người ta dễ nhận biết, may ra tránh khỏi mắc cạn. Đó cũng là việc lợi để lại cho muôn đời" /帝謂工部曰：廣義洋分，一帶黃沙之處，遠望之則水天一色，不辨淺深，邇來商船常被其害。今宜預備船艘，至來年派往，建廟立碑于此。又多植樹木，他日長大鬱茂，則人易識認，庶免著淺之誤，此亦萬世之利也³⁶。

Vì sự nguy hiểm của xứ Hoàng Sa nên Bộ Công đã gửi tấu trình lên vua Minh Mệnh. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: "Bộ Công tâu: cương giới vùng biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Trước đây có nơi đã từng làm rõ ràng, tùy theo từng năm thường phái người đi thăm dò khắp nơi để thông thuộc đường biển. Xin cho phép từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng, chọn phái Biên binh thủy quân và Giám thành đáp một chiếc thuyền Ô, nhằm thượng tuần tháng 2 thì đến Quảng Ngãi, giao cho [hai tỉnh] Quảng Ngãi, Bình Định thuê bốn chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa. Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến, cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Vua y lời tâu, sai thủy quân Suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo 10 cái cọc gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu, cọc gỗ dài năm thước, rộng năm tấc, dày một tấc,

trên cọc khắc dòng chữ: “Năm Minh Mạng thứ 17, Bính Thân, Chánh đội trưởng thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc, đến đây khắc lưu dấu để ghi nhớ”/ 工部奏言: 本國海疆黃沙處, 最是險要, 前者, 曾晰所應年常派往遍探, 以熟海程。請自本年以後, 每屆正月下旬, 遴派水軍弁, 及監城乘烏船一艘, 以二月上旬, 抵廣義據廣義, 平定二省, 雇撥民船四艘, 向引駛往黃沙的處。不拘何島嶼沙洲, 凡駛到者, 即照此處長橫高廣周圍, 及四近海水淺深, 有無暗沙石磧險易, 形勢如何, 詳加相度描取圖本。帝允其奏, 遣水軍率隊范有日, 率兵船往, 準帶隨木牌十, 到處豎立為誌。牌長五尺, 闊五寸, 厚一寸, 面刻: 明命十七年, 丙申, 水軍正隊長率隊范有日奉命往黃沙相度, 至此留誌等字³⁷。

Tóm lại, qua việc khảo cứu ghi chép về Hoàng Sa trong bản ĐNNTC A.69/8, có thể thấy trong nghiên cứu, công bố tư liệu Hán Nôm, nếu không nghiên cứu văn bản, khảo sát kỹ lưỡng nội dung và ngôn ngữ Hán Nôm trong tác phẩm, chỉ dịch theo bản được sao chép muộn và in ấn về sau, rồi lại theo chủ quan của người dịch để tước bỏ, hay bổ sung, lắp ghép các từ ngữ ở các dị bản khác vào nhằm tạo ra một "dị bản" mới như cách lâu nay vẫn làm thì sẽ làm mất đi "những hạt châu" đáng tiếc trong di sản của tiền nhân.

Một số nhận xét

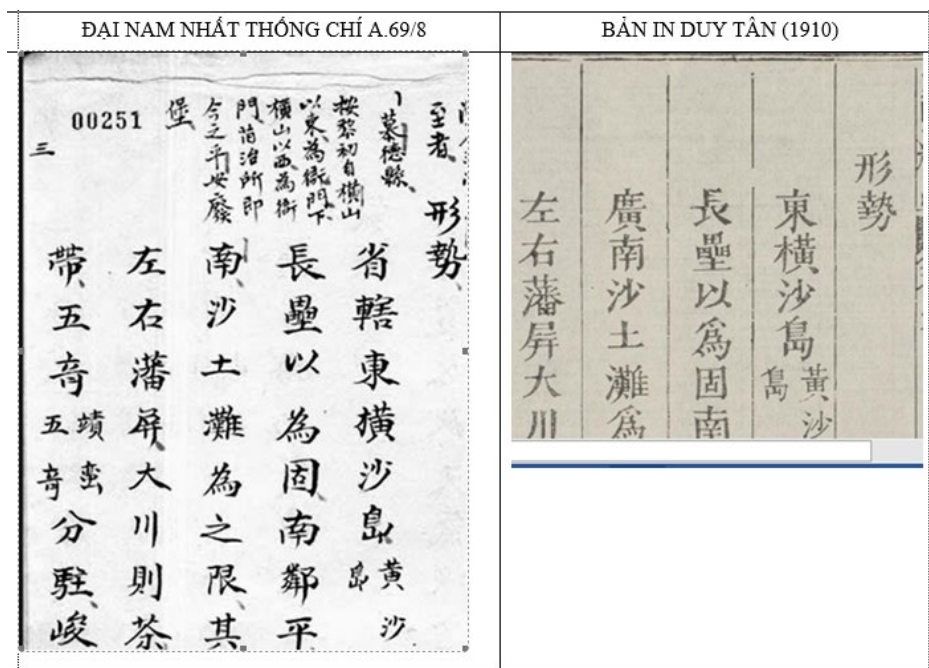
Từ việc tìm hiểu tình hình phiên dịch, biên soạn, xuất bản các sách địa phương chí hiện nay chúng tôi cho rằng số lượng sách địa phương chí xuất bản bằng tiếng

Việt đã tăng vượt bậc trong khoảng mấy chục năm gần đây. Các sách địa phương chí quan trọng có niên đại sớm như *Dư địa chí*, *Ô châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*... và hàng chục sách địa phương chí Hán Nôm đã được dịch và xuất bản từ rất sớm nên các nhà biên soạn địa phương chí tiếng Việt có thể sử dụng. Tuy nhiên, các sách địa phương chí Hán Nôm hiện lưu trữ tại VNCHN chưa được quan tâm nghiên cứu tương xứng. Nhiều vấn đề về văn bản học, nội dung, giá trị của loại sách này chưa được đánh giá đúng mức.

Từ việc phân tích sự khác nhau giữa hai đoạn ghi chép về Hoàng Sa trong bản ĐNNTC ký hiệu A.69/1-12 và bản in năm Duy Tân, đã cho thấy cần tìm về các bản đầy đủ, đầu tiên do EFEO sưu tầm để dịch thuật, nghiên cứu và công bố, nếu không việc nghiên cứu không mang lại kết quả như mong muốn. Để tìm hiểu về lịch sử biên soạn địa phương chí của Việt Nam qua các tư liệu Hán Nôm ngoài sự cố gắng của những người nghiên cứu địa phương chí trong nước cũng cần phải có sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu nước ngoài. Theo chúng tôi được biết, ở đầu thế kỷ XX, đã có nhiều nhà nghiên cứu người Pháp, Nhật, Triều Tiên sang EFEO để sưu tầm tài liệu nghiên cứu về địa phương chí, trong đó có công trình nổi tiếng của người Pháp như *Henri Naitre*, *Jacques Dourne về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Chính họ là những người khơi niềm cảm hứng cho các Nho sĩ người Việt trong việc biên soạn nhiều sách địa phương chí ở đầu thế kỷ XX.^{*}

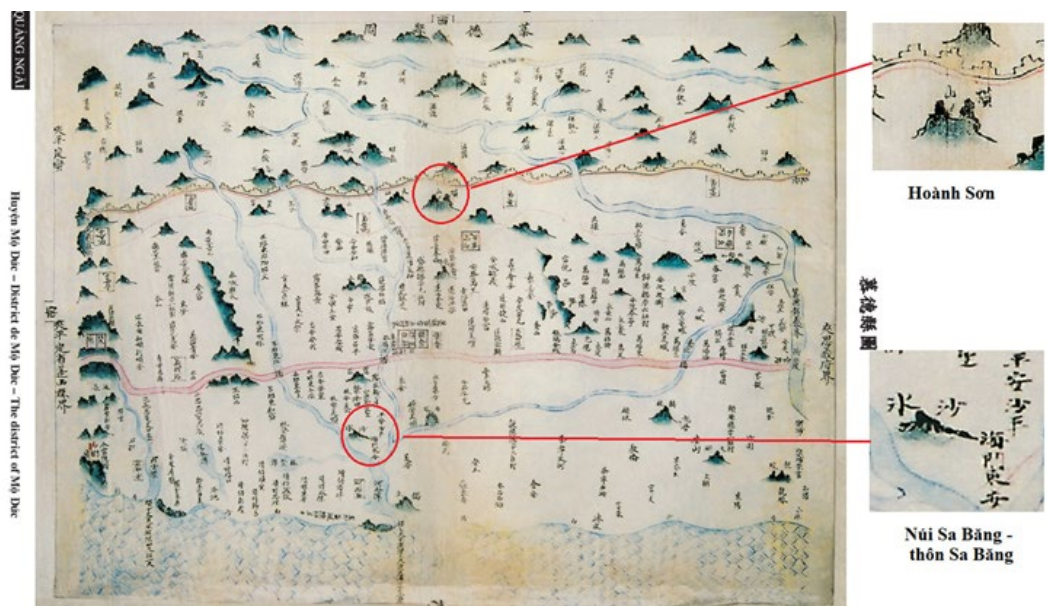
N.T.O

Minh họa 1



Nguồn ảnh: Tác giả

Minh họa 2: Núi Hoành Sơn trong Đồng Khánh dư địa chí



Nguồn ảnh: Tác giả

Minh họa 3: Bảng so sánh đoạn văn viết về đảo Hoàng Sa
giữa hai bản A.69/1-12 và bản in Duy Tân

Bản Tự Đức (A.69/1-12)	Bản in năm Duy Tân (1905)
[15a] 形勢 [慕德縣。按黎初自橫山以東爲衙門。下橫山以西爲衙門。舊治所即今之平安廢堡] 省轄 (*) 東橫沙島，黃沙島，連滄海以爲池西控山蠻，砌長壘以爲固。南隣平定，石津岡，乃其衝北，接廣南沙土灘爲之限 [15b]。 黃沙島在平山縣里山島之東，自沙奇海岸放洋順風三四日夜可至。其鳥羣山零一百三十餘，間出皆海相溝，或一日或數更。島之中有黃沙洲延袤不知幾千里，平坦廣大，俗名萬里長洲。洲水甚清，有甘井，海鳥羣集不知幾極，所產多文螺，海參，玳瑁，龜鼈，及諸物。元清船貨物滙聚於此。 國初置黃沙隊，七十人安保民充之，歲以三月出洋採海物，八月由思賢海口還納。又置北海隊全黃沙隊兼管，通行諸海島覓採海物。島之東近南海廉洲府。嘉隆做舊例置黃沙隊後尋止。明命初常[遣]官船至其處探訪海程，有一處白沙堆，周一千七十丈，樹木森茂。堆之中有井，西南有古廟，不知何代所造，廟碑刻萬里波平四字，舊名佛山。東西岸皆珊瑚石突斜繞其面，西北接珊瑚石，突起一堆，周三百四十丈，高一丈二尺與沙堆齊，名盤灘石。明命十六年命官船運磚石前往建立詞宇，詞左豎石碑為誌。又播木核為後左右三面，兵夫平治廟基掘得銅葉，銅鐵二千餘斤。	[15a] 形勢 東橫沙島，黃沙島，連滄海以爲池，西控山蠻砌長壘以爲固。南隣平定，石津岡當其衝北，接廣南沙土灘爲之限。 [18a] ...黃沙島在哩島之東，自沙圻海岸放洋順風三四日夜可至。島上羣山羅列，凡一百三十餘峰，相隔或一日程或數更許。島之中有黃沙洲，延袤不知幾千里，俗名萬里長沙洲。上有井甘泉出焉。海鳥羣[18b]集不知紀極。多產海參，玳瑁，文螺，龜鼈等物。諸風難船貨物滙聚於此。 國初置黃沙隊，七十人以永安社民充之，歲以三月出洋採海物，八月由思賢海口回納。又置北海隊令黃沙隊兼管，往北海崑崙諸島覓採海物。島之東，近清國海南瓊州府。嘉隆初做舊制置黃沙隊尋罷之。明命初常遣官船至其處探訪海程。有一處白沙堆，周一千七十丈，樹木森茂。堆之中有井，西南有古廟不知何代所建，碑刻萬里波平四字，舊名佛寺山。其兩岸皆珊瑚石，斜繞水面。西北突起一堆周三百四十丈二尺，與沙堆齊名盤灘石。明命十六年命官船運磚石前往建寺，左豎石碑為誌。辰兵夫應役掘得銅葉銅鐵二千餘斤。

(*) Những đoạn, câu, chữ khác nhau giữa hai bản, chúng tôi in đậm.

Minh họa 4: Lễ hội khao lễ thể lính Hoàng Sa ở xã An Vĩnh, trên huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)
Nguồn ảnh: Tác giả



Chú thích và tài liệu tham khảo

* Bài viết được hoàn thành dưới sự tài trợ của NAFOSTED (đề tài mã số 602.06-2020)

1. Nguồn: <https://vi.wikipedia.org/wiki>. Truy cập ngày 16-10-2024.

2. Trịnh Khắc Mạnh (2009), “Khảo sát tài liệu Hán Nôm về Dư địa chí hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (94), tr.11-29.

3. Trịnh Khắc Mạnh (2009), “Khảo sát tài liệu Hán Nôm về Dư địa chí hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, sdd, tr.17-24.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch Viện Sử học (2006), NXB.Thuận Hóa.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Hoàng Văn Lâu (2012), NXB. Lao động, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

6. Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, Bản dịch của Phạm Huy Tiếp (1960), NXB. Sử học.

7. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Bản dịch của Bùi Lương (1961), NXB. Văn hóa Á châu.

8. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên (1997), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch của Trần Đại Vinh (2019), NXB. Khoa học xã hội.

10. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Phạm Hoàng Quân (2018), NXB. TP.Hồ Chí Minh

11. *Bắc Ninh tỉnh chí*, Bản dịch của Nguyễn Phạm Bằng, Dương Văn Hoàn, Nguyễn Thanh Diên (2022), NXB. Khoa học xã hội.

12. Nguyễn Văn Huyền (1997), *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, Hội khoa học lịch sử việt Nam, Sở Văn hóa thông tin Bắc Giang, Hà Nội.

13. *Tài liệu địa chí Thái Bình*, Bản dịch của Mai Hồng, Trần Quang Khiết, Ngô Đức Thọ, Đinh Khắc Thuân (2007), Trung tâm Unesco thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, Hà Nội.

14. Đinh Khắc Thuân chủ biên (2009), *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Nguyễn Thúy Nga - Nguyễn Văn Nguyên (Chủ biên, 2007), *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm* (2007), NXB. Thế giới.

16. Nguyễn Thúy Nga - Nguyễn Kim Sơn (đồng chủ trì, 2010), *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Tuyển tập địa chí*, NXB. Hà Nội.

17. Trần Nghĩa (1986), “Dư địa chí, truyền bản và thể loại”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
18. Nguyễn Thị Phụng (1998), “Giới thiệu kho sách cổ chỉ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
19. Trịnh Khắc Mạnh (2009), “Khảo sát tài liệu Hán Nôm về *Dư địa chí* hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, sđd, tr.11-28.
20. Phạm Đình Toàn (2012), “Biên soạn sách địa chí và xây dựng tài liệu địa chí ở Việt Nam”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 3 (35), tháng 5.
21. Ngô Thị Thanh Tâm (2021), “Giới thiệu văn bản *Ban thành đại đáp*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6.
22. Ngô Thị Thanh Tâm (2022), “Bước đầu khảo cứu tư liệu địa phương chí ghi chép về phong tục ở một số tỉnh miền núi phía Bắc”, *Nghiên cứu Hán Nôm* năm 2022.
23. Ngô Thị Thanh Tâm (2021), “Diện mạo Ban Mê Thuật qua tác phẩm *Ban thành đại đáp*”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
24. Nguyễn Đình Hưng (2009), “Tìm thấy một cuốn sách địa chí cổ có giá trị ở huyện Định Hóa (Thái Nguyên)”, *Thông báo Hán Nôm học* năm 2009.
25. Nguyễn Văn Căn (2019), “Một số đặc trưng của loại sách địa chí”, *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số tháng 3.
26. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, NXB. Văn hóa, tr.362.
27. Trần Nghĩa - François Gross (chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, Tập 1, tr.96.
28. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, sđd, tr.363).
29. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, sđd, tr.362.
30. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Hoàng Văn Lâu, sđd, tr.19.
31. Quốc sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, bản dịch của Viện sử học (2006), NXB. Thuận Hóa, tr.505)
32. Nguyễn Thị Oanh, Trần Văn Quyến, Lê Văn Át (2021), “Tư liệu Hán Nôm về chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa trước năm 1909”, Công trình cấp cơ sở Trường Đại học Thăng Long (đã nghiệm thu năm 2021). Tất cả các bản dịch trong bài này đều trích dịch từ công trình nói trên, có tham khảo bản dịch của các công trình nghiên cứu đi trước.
33. Nguyễn Thị Oanh (2014), “Mấy suy nghĩ về vấn đề văn bản học Hán Nôm hiện nay”, *Bốn mươi năm Đào tạo và Nghiên cứu Hán Nôm (1972-2012)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.249-272.
34. *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* nằm trong sách *Hồng Đức bản đồ*, bản lưu giữ tại Đại học Hiroshima, ký hiệu 98846, tờ 67a-81b.
35. Lý Văn Phức, *Đông hành thi thuyết*, sách chép tay, tr.132, ký hiệu VHv.110 (VNCHN).
36. Bản tấu của Nguyễn Văn Ngừ năm Minh Mệnh thứ 11 (1830). *Châu bản thời Nguyễn*. Tập 49, tờ 000058 - Trung tâm Lưu trữ Quốc Gia I.
37. *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, Q.104, tờ 18b-19a, ký hiệu A.2772/1-67 (VNCHN).
38. *Đại Nam thực lục chính biên*, Đế nhị kỷ, Q.165, tờ 24b-25ab, ký hiệu A.2772/ (VNCHN).